

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04.04.-002/CV-CBTT.2023

V/v: CBTT báo cáo
thường niên 2022

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2023

Kính gửi: • **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;**
• **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ
CHÍ MINH.**

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà Broadway E, số 2 Bertrand Russell, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (+84 28) 5413 8366

Fax: (+84 28) 5413 8370

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Hoàng Thị Ngọc Diệp

Loại công bố thông tin: 24h 72h Bất thường Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

Căn cứ vào Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt trân trọng công Báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt tại: <http://www.vbinvest.com.vn>, mục Cổ Đông phần Công bố thông tin.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Hồ sơ kèm theo:

- Báo cáo thường niên 2022.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Công ty.





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT
Viet Brand Invest Joint Stock Company



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2022

MỤC LỤC

I.	Thông tin chung.....	2
1.	Thông tin khái quát	2
2.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
3.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	4
4.	Định hướng phát triển	7
5.	Các rủi ro.....	8
II.	Tình hình hoạt động trong năm 2022.....	9
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	9
2.	Tổ chức và nhân sự	9
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án	12
4.	Tình hình tài chính	13
5.	Cơ cấu cổ đông.....	15
6.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	17
III.	Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	18
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	18
2.	Tình hình tài chính	19
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	20
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	20
5.	Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	21
6.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	21
IV.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	22
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	22
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty	22
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	22
V.	Quản trị công ty	23
1.	Hội đồng quản trị.....	23
2.	Ban Kiểm soát.....	26
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	27
VI.	Báo cáo tài chính.....	28
1.	Ý kiến kiểm toán	28
2.	Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2022:	29

Số: 0304-002/BC-HĐQT.2023

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi: ❖ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
❖ Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0312080709 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 10/12/2012, đăng ký thay đổi lần 13 ngày 15/07/2021.
- Vốn điều lệ: **200.000.000.000 VND** (Hai trăm tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **255.765.164.585 VND** (Hai trăm năm mươi lăm tỷ bảy trăm sáu mươi lăm triệu một trăm sáu mươi tư nghìn năm trăm tám mươi lăm đồng)
- Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Broadway E, số 2 Bertrand Russell, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-28) 5413 8366
- Số fax: (84-28) 5413 8370
- Website: <http://vbinvest.com.vn>
- Mã cổ phiếu: ABR
- Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt (Viet Brand) là Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Kiến An (KienAn Wood). KienAn Wood được thành lập vào năm 2012 trên cơ sở là xí nghiệp sản xuất gỗ Kiến An - Gia Lai. Với lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất đồ gỗ đa năng gia dụng. Đến năm 2012, do yêu cầu về phát triển, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh cũng như yêu cầu về thúc đẩy tiêu thụ hàng hoá, cơ sở mở rộng quy mô sản xuất và địa bàn hoạt động qua các tỉnh Đông Nam Bộ do đó Xưởng gỗ chuyển đổi sang mô hình hoạt động thành Công ty Cổ phần.

Sau một thời gian hoạt động, Công ty phát triển kinh doanh đa lĩnh vực, bao gồm: Đồ gỗ, nội thất, nội thất đa năng, thời trang dệt may, giày da, bán lẻ và chú trọng phát triển kênh phân phối.

Năm 2013, Công ty tiến hành sáp nhập thương hiệu thời trang Journey Men Style – một nhãn hàng thời trang nam chuyên sản xuất, gia công và cung cấp

các sản phẩm giày da và các phụ kiện dành cho nam. Sau khi tiến hành sáp nhập, Công ty đã đầu tư và liên tục mở rộng kênh phân phối cho nhãn hiệu thời trang này. Đối tượng khách hàng nhắm tới của nhãn hiệu này là những khách hàng trẻ có thu nhập trung - cao cấp, và tập trung chủ yếu ở Khu vực phía Nam.

Năm 2014, với tiềm lực tài chính sẵn có và kinh nghiệm trong quản lý chuỗi phân phối bán lẻ, Công ty tiến hành tái cơ cấu và định hướng theo mô hình Holding. Tập trung đầu tư vào các nhãn hiệu mới, có vị thế trên thị trường. Cũng trong năm này, Công ty cũng tập trung đầu tư lĩnh vực truyền thông số hoá, lĩnh vực khá mới nhưng là kênh hỗ trợ mạnh cho việc phát triển hệ thống bán lẻ và là kênh truyền thông hữu hiệu cho hoạt động phát triển nhãn hiệu của Công ty đầu tư.

Bên cạnh đó, Công ty đã tách lĩnh vực sản xuất, gia công giày da, may mặc và cùng với các đối tác của mình thành lập Công ty TNHH Công nghiệp May và Giày da Phước Bình tại cụm Công Nghiệp Phước Bình - Đồng Nai kinh doanh trong lĩnh vực này với hoạt động chủ yếu là sản xuất giày da, may mặc cho thương hiệu giày da Journey Men Style và nhãn hàng may mặc nam Umen.

Năm 2015, để phù hợp cho định hướng và mục tiêu hoạt động, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt, tiếp tục hoạt động và mở rộng các lĩnh vực kinh doanh về truyền thông số hoá, xây dựng hệ thống kênh bán lẻ và đầu tư nhãn hiệu. Từ đây Công ty tập trung vào mục tiêu phát triển 3 trụ cột cốt lõi là: Truyền thông số hoá, Đầu tư nhãn hiệu và đầu tư hệ thống kênh bán lẻ.

Năm 2016, Công ty trở thành công ty đại chúng, Công ty hoàn thiện hệ thống quản trị, minh bạch thông tin và chính thức là Công ty đại chúng vào ngày 12/10/2016.

Về định hướng hoạt động kinh doanh: Công ty tiếp tục tập trung vào ba lĩnh vực kinh doanh chính là truyền thông số hoá, đầu tư hệ thống kênh bán lẻ và đầu tư nhãn hiệu.

Ngày 15/12/2016, Công ty được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 197/2016/GCNCP-VSD với số lượng đăng ký là 3.000.000 cổ phiếu.

Ngày 05/06/2018, Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (UPCoM).

Ngày 12/06/2018 là ngày giao dịch đầu tiên của Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt.

Năm 2019, Công ty thực hiện thoái vốn khỏi Công ty TNHH Công nghiệp May và Giày da Phước Bình. Cũng trong năm này, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn lên 200.000.000.000 đồng để đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Thương Mại Dịch Vụ Cuộc Sống Mới. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục định hướng theo mô hình Holding.

Ngày 31/12/2019, Công ty được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ 1 số 197/2016/GCNCP-VSD-1 với số lượng đăng ký bổ sung là 17.000.000 cổ phiếu.

Ngày 12/02/2020 là ngày giao dịch đầu tiên đối với cổ phiếu thay đổi đăng ký giao dịch của Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt.

Ngày 24/12/2021, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 724/QĐ-SGDHCM.

Ngày 23/03/2022, Công Ty thành lập Công Ty TNHH Phát Triển và Đầu Tư Phú Lệ với vốn điều lệ là 1.000.000.000 VNĐ.

Các sự kiện khác: không có.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

(a) Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính trong năm 2022:

- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Cung cấp dịch vụ Internet, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng;
- Kinh doanh dịch vụ viễn thông.

(b) Địa bàn kinh doanh

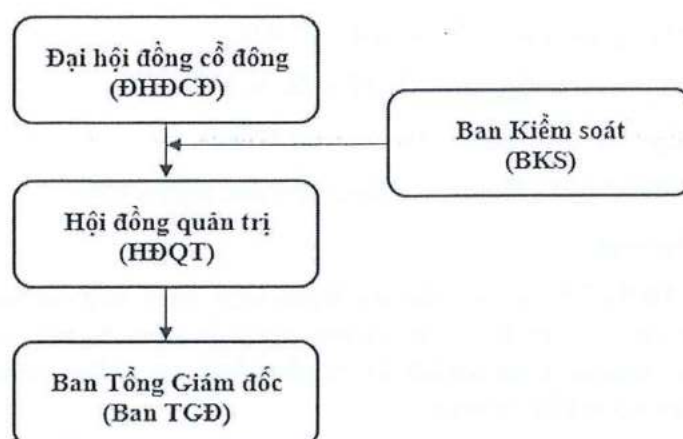
Địa bàn kinh doanh chính của Công ty trong năm 2022 là Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

(a) Mô hình quản trị

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần theo Điều 137.1(a) của Luật Doanh nghiệp năm 2020, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD), Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS), Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD).

(b) Cơ cấu bộ máy quản lý



▪ Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCD là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan quy định. ĐHĐCD có các quyền và nhiệm vụ sau:

- ❖ Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- ❖ Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính;
- ❖ Hàng năm, thông qua báo cáo của HĐQT, BKS và của Kiểm toán viên;
- ❖ Quyết định số thành viên HĐQT;
- ❖ Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, BKS;
- ❖ Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

▪ **Hội đồng quản trị**

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền sau:

- ❖ Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- ❖ Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- ❖ Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban TGD;
- ❖ Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ;
- ❖ Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- ❖ Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- ❖ Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

HĐQT công ty gồm:

- ❖ Bà Hoàng Thị Ngọc Diệp – Chủ tịch HĐQT
- ❖ Bà Vương Lệ Vân – Thành viên HĐQT
- ❖ Bà Hoàng Như Quỳnh – Thành viên HĐQT
- ❖ Bà Nguyễn Thị Trang – Thành viên HĐQT
- ❖ Ông Shih Chien Sheng – Thành viên độc lập HĐQT

▪ **Ban Kiểm soát**

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- ❖ Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- ❖ Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các

vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban TGD;

- ❖ Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- ❖ Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

BKS Công ty gồm:

- ❖ Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Trưởng BKS
- ❖ Bà Tsai, Hsiu-Li – Thành viên BKS
- ❖ Ông Nguyễn Duy Long – Thành viên BKS

▪ **Ban Tổng Giám đốc**

Ban TGD do HĐQT bổ nhiệm, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban TGD có nhiệm vụ:

- ❖ Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- ❖ Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- ❖ Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Kế toán trưởng;
- ❖ Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của pháp luật;
- ❖ Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- ❖ Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- ❖ Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Ban TGD Công ty gồm có:

- ❖ Bà Lan, Wan-Chen – Tổng Giám đốc

(c) **Công ty con**

Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Dịch vụ Cuộc Sống Mới

- Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Broadway E, số 2 đường Bertrand Russell, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Vốn điều lệ: 35.300.000.000 VNĐ
- Tỷ lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt sở hữu: 100% vốn điều lệ Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Dịch vụ Cuộc Sống Mới (35.300.000.000 VNĐ)
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:
 - ❖ Cung cấp dịch vụ Internet, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng;

- ❖ Kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Công Ty TNHH Phát Triển và Đầu Tư Phú Lệ

- Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Broadway E, số 2 Bertrand Russell, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ
- Tỷ lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt sở hữu: 100% vốn điều lệ Công Ty TNHH Phát Triển và Đầu Tư Phú Lệ (1.000.000.000 VNĐ)
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:
 - ❖ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

(d) **Công ty liên kết:** Không có.

4. Định hướng phát triển

(a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Mặc dù còn nhiều thách thức đến từ đại dịch Covid-19, Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt (Nhân hiệu Việt) đã thực hiện thành công các mục tiêu đề ra cho năm 2022. Trong năm 2023, Công ty đặt mục tiêu tập trung hơn vào phát triển mảng kinh doanh hiện tại, đồng thời tìm kiếm thêm cơ hội đầu tư. Biết rằng đại dịch Covid-19 đã thay đổi nghiêm trọng hiểu biết của chúng ta về cuộc sống ở nhiều khía cạnh như làm việc, mua sắm và tương tác xã hội, Nhân hiệu Việt đã chuẩn bị để tìm kiếm động lực tăng trưởng tiếp theo trong thế giới mới này.

Bên cạnh đó, Công ty cũng hướng đến mục tiêu tạo việc làm và thu nhập ổn định cho cán bộ nhân viên, tăng lợi tức cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, đóng góp tích cực vào sự phồn vinh và phát triển của xã hội, không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

(b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tầm nhìn chiến lược trong trung hạn và dài hạn của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt được đề ra như sau:

- Công ty chuyển mục tiêu đầu tư vào các nhãn hiệu có lợi thế cạnh tranh tốt hơn trên các kênh thương mại điện tử trong tương lai;
- Phát triển hoạt động kinh doanh đại lý thương hiệu;
- Đưa các tên thương hiệu nhỏ lẻ cũng như nổi tiếng đến với người tiêu dùng để giúp Công ty nâng cao lợi nhuận và quy mô hoạt động;
- Phân tích, mua lại và phát triển các nhãn hiệu doanh nghiệp bán lẻ hàng tiêu dùng thiết yếu, từ đó gắn kết thương hiệu của sản phẩm với thương hiệu của nhà bán lẻ, tạo nên hiệu ứng tốt cho kết quả hoạt động kinh doanh;
- Tiếp tục tìm kiếm và gia nhập các doanh nghiệp có lợi nhuận và có khả năng hồi phục tốt sau hệ quả của đại dịch Covid-19.

(c) Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty thiết lập định hướng kinh doanh gắn liền với mục tiêu về môi trường, xã hội và cộng đồng trong kế hoạch trung và dài hạn. Công ty sẽ hướng tới việc xây dựng hình ảnh một Công ty xanh, thân thiện với môi trường. Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn quan tâm và có trách nhiệm thực hiện tốt các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Ngoài ra, trong tương lai gần, Công ty sẽ xem xét và đưa ra quyết định về việc đầu tư vào các nhãn hiệu của doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cao, lĩnh vực ít gây ô nhiễm môi trường.

Bên cạnh đó, nhận thức trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng, nhiều năm qua, Công ty đã tham gia các hoạt động phát triển kinh tế với người dân địa phương. Song song đó, Công ty còn tích cực vận động toàn thể nhân viên quyên góp cứu trợ đồng bào miền Trung bị ảnh hưởng của thiên tai, tích cực tuyên truyền phòng chống dịch Covid-19 trong Công ty và ngoài xã hội.

Những nội dung trên cũng là một trong những mục tiêu chiến lược của Công ty trong quá trình hoạt động nhằm góp phần đưa Công ty phát triển bền vững và lâu dài, đồng thời thể hiện tinh thần tương thân tương ái của dân tộc và nâng cao ý thức, trách nhiệm của người lao động đối với cộng đồng xã hội.

5. Các rủi ro

(a) Rủi ro nền kinh tế

Lĩnh vực hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự tăng trưởng và phát triển chung của nền kinh tế. Khi nền kinh tế tăng trưởng tích cực sẽ là yếu tố tạo đà cho sự phát triển thuận chiều trong việc đầu tư nhãn hiệu của các ngành về thực phẩm, đồ uống và chuỗi thời trang, bởi khi đó nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, khi nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi đại dịch Covid-19 và thực hiện giãn cách xã hội nhằm kiểm soát dịch thì sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng và của toàn ngành nói chung.

Bên cạnh tốc độ tăng trưởng thì những biến động của các chỉ tiêu kinh tế khác như: lạm phát, chính sách quản lý lãi suất, tỷ giá hối đoái, v.v... cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trước tình hình kinh tế biến động khó lường, có thể ảnh hưởng bất ngờ đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, HĐQT và Ban TGD luôn theo sát và cập nhật liên tục tình hình kinh tế vĩ mô để có những biện pháp kịp thời nhằm hạn chế rủi ro và tận dụng cơ hội kinh doanh trong quá trình hoạt động.

(b) Rủi ro pháp luật

Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, và các văn bản pháp luật có liên quan. Do đó, bất kỳ sự thay đổi nào trong các điều luật này cũng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá giao dịch cổ phiếu của Công ty.

Để hạn chế rủi ro pháp luật, HĐQT và Ban TGD luôn nắm rõ quy định của các văn bản pháp luật hiện hành, chủ động cập nhật các văn bản, quy định mới qua

đó lựa chọn và đưa ra những chiến lược và kế hoạch kinh doanh phù hợp trong từng thời kỳ giúp Công ty đạt hiệu quả kinh doanh tốt nhất.

(c) **Rủi ro khác**

Các rủi ro khác (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, v.v...) tuy khả năng xảy ra là rất thấp nhưng đây là loại rủi ro hoàn toàn có thể tác động lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty, gây thiệt hại về con người, tài sản và những tổn thất lớn khác. HĐQT và Ban TGD Công ty luôn quan tâm và có những biện pháp diễn tập, truyền thông nội bộ định kỳ để phòng tránh cũng như giảm thiểu thiệt hại khi có rủi ro.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2022

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

(a) **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất trong năm**

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục	Thực hiện năm 2022
1	Tổng giá trị tài sản	372.182.711.927
2	Vốn chủ sở hữu	285.155.911.041
3	Doanh thu thuần	104.178.591.209
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	38.272.591.944
5	Lợi nhuận trước thuế	38.553.598.051
6	Lợi nhuận sau thuế	29.390.746.456

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(b) **Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

Nhờ kế hoạch kinh doanh và chiến lược hiệu quả, trong năm 2022, doanh thu của Công ty đã vượt kế hoạch đặt ra. Tổng doanh thu năm 2022 đạt 104.178.591.209 VNĐ, tức cao hơn 14,37% so với kế hoạch năm (91.093.000.000 VNĐ). Lợi nhuận sau thuế của năm 2022 đạt 29.390.746.456 VNĐ, tức cao hơn 119% so với kế hoạch năm (13.420.000.000 VNĐ). Vốn chủ sở hữu của năm 2022 là 285.155.911.041 VNĐ, tức cao hơn khoảng 4,85% so với kế hoạch năm (271.960.000.000 VNĐ). Biên lợi nhuận ròng năm 2022 đạt 28,21%, cao hơn 13,48% so với kế hoạch năm (14,73%).

2. Tổ chức và nhân sự

(a) **Danh sách Ban điều hành**

▪ **Tổng Giám đốc**

Họ và tên : Lan, Wan-Chen
Giới tính : Nữ
Ngày sinh : 06/01/1972
Nơi sinh : Đà Loan (Trung Quốc)
Số hộ chiếu : 308709812 cấp ngày 12/2/2014 tại Đài

Loan

Quốc tịch : Đài Loan

Địa chỉ : 103 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ

Chức vụ tại Công ty : Tổng Giám đốc

Tổng số cổ phiếu nắm giữ

- Sở hữu cá nhân: 977.300 cổ phiếu chiếm 4,89% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: Không có

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Lương và phúc lợi của Tổng Giám đốc theo chính sách Công ty

▪ **Kế toán trưởng**

Họ và tên : Nguyễn Hải Linh

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 03/09/1989

Nơi sinh : Việt Nam

Số căn cước công dân : 037189004308 cấp ngày 17/12/2019 tại Cục cảnh sát

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Số nhà 91 Ngọc Hồi, phường Trung Sơn, Tam Điệp, Ninh Bình, Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân

Chức vụ tại Công ty : Kế toán trưởng

Tổng số cổ phiếu nắm giữ

- Sở hữu cá nhân: Không có
- Sở hữu đại diện: Không có

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

A.C.P. * H.V.

Lợi ích liên : Không có
quan đối với
Công ty

Thù lao và lợi : Lương và phúc lợi của Kế toán trưởng theo chính
sách khác nhận sách Công ty
được từ Công
ty

(b) **Những thay đổi trong Ban điều hành**

Trong năm 2022, không có thay đổi trong Ban điều hành của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt.

(c) **Số lượng cán bộ, nhân viên, tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động**

▪ **Số lượng người lao động trong Công ty**

- ❖ Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.
- ❖ Tại thời điểm 31/12/2022, tổng số lao động của Công ty hợp nhất (bao gồm Công ty mẹ và Công ty con) là 87 người.

▪ **Chế độ làm việc**

- ❖ Trong điều kiện lao động bình thường, thời gian làm việc của người lao động là 40 giờ/ tuần, thời gian làm việc mỗi ngày là 8 giờ.
- ❖ Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: theo quy định của Bộ Luật lao động.
- ❖ Cán bộ nhân viên trong Công ty được trang bị đầy đủ các điều kiện làm việc một cách tốt nhất, hiện đại nhất và thoải mái nhất. Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Những cán bộ công nhân viên do yêu cầu công việc phải đi công tác xa sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.

▪ **Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

- ❖ Chính sách đào tạo và tuyển dụng của Công ty phải đảm bảo nguyên tắc nguồn lực ổn định và lâu dài. Công ty luôn tạo điều kiện để cán bộ nhân viên có cơ hội được đào tạo, phát triển nghề nghiệp chuyên môn nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên tâm huyết, có chuyên môn giỏi, có đạo đức nghề nghiệp.
- ❖ Cán bộ nhân viên có nhu cầu học tập để tự nâng cao trình độ sẽ được Công ty xem xét tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ một phần kinh phí theo quy định trên cơ sở mục đích của khóa học phải hướng đến phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, người lao động cam kết hoàn thành tốt công việc được giao và đạt kết quả học tập theo yêu cầu.

▪ **Chính sách lương, thưởng**

- ❖ Công ty luôn xây dựng chính sách lương, thưởng riêng phù hợp và cạnh tranh với đặc trưng ngành nghề hoạt động của công ty, bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người, tạo động lực cho cán bộ nhân viên của Công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

▪ **Chính sách bảo hiểm, phúc lợi**

- ❖ Công ty tham gia đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế cho cán bộ nhân viên của Công ty theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho cán bộ nhân viên trong việc thụ hưởng các chế độ của Bảo hiểm xã hội. Ngoài ra, cán bộ nhân viên được hưởng các chính sách phúc lợi của Công ty: tặng quà nhân dịp các ngày lễ tết, ngày sinh nhật, được khám sức khỏe định kỳ hằng năm, được du lịch định kỳ hằng năm, được thăm hỏi khi ốm đau; trợ cấp khi nghỉ ốm, thai sản hoặc gặp khó khăn, v.v...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án

(a) **Các khoản đầu tư lớn**

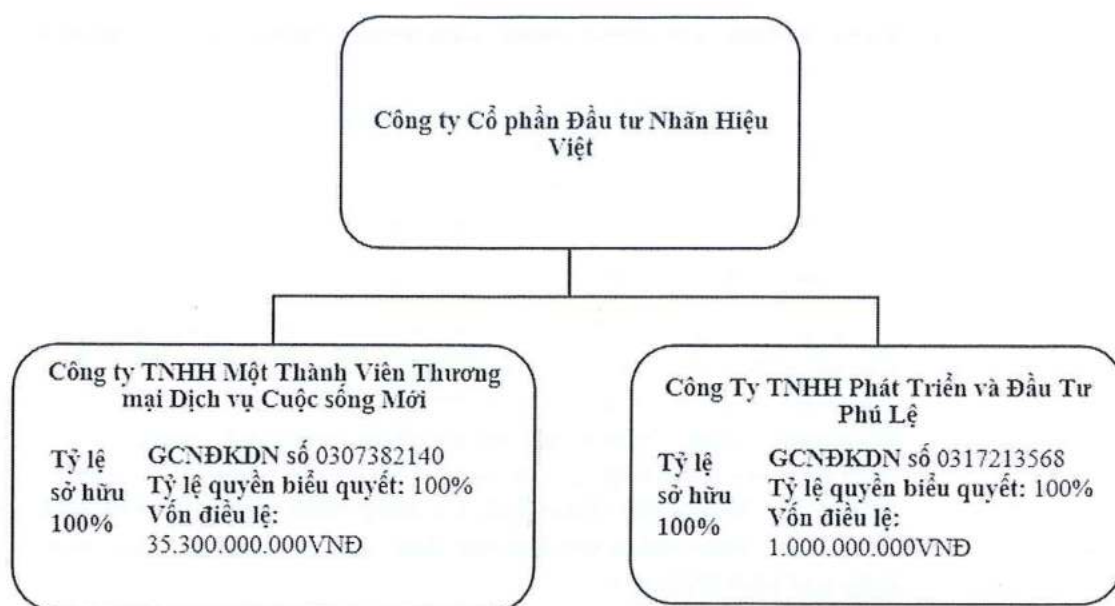
Trong năm 2022, Công ty thực hiện đầu tư các khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng theo các hình thức như sau:

- Có kỳ hạn dưới 03 tháng có tổng giá trị là 500.000.000 VNĐ;
- Có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 12 tháng có tổng giá trị là 117.321.275.738 VNĐ;
- Không kỳ hạn có tổng giá trị là 20.819.342.464 VNĐ.

(b) **Các công ty con, công ty liên kết:** Công ty chỉ có 02 công ty con, không có công ty liên kết

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con:





Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Dịch vụ Cuộc Sống Mới

- Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Broadway E, số 2 đường Bertrand Russell, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Vốn điều lệ: 35.300.000.000 VNĐ
- Tỷ lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt sở hữu: 100% vốn điều lệ Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Dịch vụ Cuộc Sống Mới (35.300.000.000 VNĐ)
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:
 - ❖ Cung cấp dịch vụ Internet, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng;
 - ❖ Kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Công Ty TNHH Phát Triển và Đầu Tư Phú Lệ

- Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Broadway E, số 2 Bertrand Russell, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ
- Tỷ lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt sở hữu: 100% vốn điều lệ Công Ty TNHH Phát Triển và Đầu Tư Phú Lệ (1.000.000.000 VNĐ)
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:
 - ❖ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Tóm tắt tình hình tài chính của các công ty con:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	171.000.000.000	170.997.186.216	-	170.000.000.000	170.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV TM DV Cuộc Sống Mới ⁽¹⁾	170.000.000.000	170.000.000.000	-	170.000.000.000	170.000.000.000	-
- Công ty TNHH Phát triển và Đầu tư Phú Lệ ⁽²⁾	1.000.000.000	997.186.216 (2.813.784)		-	-	-
Cộng	171.000.000.000	170.997.186.216 (2.813.784)		170.000.000.000	170.000.000.000	-

Nguồn: Bản thuyết minh báo cáo tài chính kiểm toán (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

4. Tình hình tài chính

(a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục	2021	2022	% tăng, giảm
1	Tổng giá trị tài sản	312.514.908.356	372.182.711.927	19%
2	Doanh thu thuần	91.154.043.167	104.178.591.209	14,29%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	23.172.612.906	38.272.591.944	65,16%
4	Lợi nhuận khác	298.154.785	281.006.107	(5,75%)
5	Lợi nhuận trước thuế	23.172.612.906	38.553.598.051	66,38%
6	Lợi nhuận sau thuế	19.324.742.565	29.390.746.456	52,09%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

- Các chỉ tiêu khác: không có

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	Lần	4,48	2,38
1.2	Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn	Lần	4,48	2,37
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
2.1	Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	18,16%	23,38%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
2.2	Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	22,19%	30,52%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
3.1	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	Lần	47,24	123,44
3.2	Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân	Lần	0,31	0,30
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
4.1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	21,20%	28,21%
4.2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	7,85%	10,31%
4.3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	6,18%	7,90%
4.4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	%	25,42%	36,74%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

(a) Cổ phần tại ngày 31/12/2022

- Tên chứng khoán : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng (Mười nghìn)/ cổ phần
- Mã chứng khoán : ABR
- Tổng số chứng khoán đang lưu hành : 20.000.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán tự do chuyển nhượng : 20.000.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phiếu

(b) Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 18/03/2022 như sau:

Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông trong nước:	10.220.400	51,1
<i>a</i>	<i>Cá nhân</i>	574.950	2,9
<i>b</i>	<i>Tổ chức</i>	9.645.450	48,2
2	Cổ đông nước ngoài:	9.779.600	48,9
<i>a</i>	<i>Cá nhân</i>	1.959.600	9,8
<i>b</i>	<i>Tổ chức</i>	7.820.000	39,1
3	Cổ phiếu quỹ	10.220.400	51,1
	TỔNG CỘNG	20.000.000	100,00

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên vốn cổ phần:	15.790.350	78,95
<i>a</i>	<i>Trong nước</i>	15.790.350	78,95
<i>b</i>	<i>Nước ngoài</i>	0	0,00
2	Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn cổ phần:	4.209.650	21,05
<i>a</i>	<i>Trong nước</i>	2.280.050	11,40
<i>b</i>	<i>Nước ngoài</i>	1.929.600	9,65
	TỔNG CỘNG	20.000.000	100,00

- Tỷ lệ cổ đông nhà nước và cổ đông khác: không có cổ đông nhà nước.

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 18/03/2022 do VSD cấp.

(c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- **Tăng vốn đợt 01: Phát hành riêng lẻ tăng vốn từ 1.000.000.000 đồng lên 10.000.000.000 đồng**
 - ❖ Thời gian phát hành: Tháng 12/2014
 - ❖ Tổng giá trị phát hành: 9.000.000.000 đồng
 - ❖ Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu
 - ❖ Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của đợt tăng vốn: Báo cáo tăng vốn lên Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh số 09/TB.2014 ngày 09/12/2014
- **Tăng vốn đợt 02: Phát hành riêng lẻ tăng vốn từ 10.000.000.000 đồng lên 30.000.000.000 đồng**
 - ❖ Thời gian phát hành: Tháng 10/2015

- ❖ Tổng giá trị phát hành: 20.000.000.000 đồng
 - ❖ Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu
 - ❖ Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của đợt tăng vốn: Báo cáo tăng vốn lên Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh số 23/TB.2015 ngày 19/10/2015
- **Tăng vốn đợt 03: Phát hành riêng lẻ tăng vốn từ 30.000.000.000 đồng lên 200.000.000.000 đồng**
- ❖ Thời gian phát hành: 13/11/2019 – 14/11/2019
 - ❖ Tổng giá trị phát hành: 170.000.000.000 đồng
 - ❖ Đối tượng chào bán: Nhà đầu tư là các tổ chức, cá nhân đáp ứng một trong các tiêu chí nêu tại phương án chào bán đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 2307/NQ-ĐHĐCĐ.2019 ngày 23/07/2019
 - ❖ Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của đợt tăng vốn: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước theo công văn chấp thuận số 6875/UBCK-QLKD của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ngày 13/11/2019 về việc phát hành riêng lẻ

(d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.**

(e) **Các chứng khoán khác: Không có.**

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có (do Nhãn hiệu Việt là công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ).

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có (do Nhãn hiệu Việt là công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ).

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có (do Nhãn hiệu Việt là công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ).
- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có (do Nhãn hiệu Việt là công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ).

6.3. Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Không có (do Nhãn hiệu Việt là công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ).

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có (do Nhãn hiệu Việt là công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ).

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến

này: Không có (do Nhãn hiệu Việt là công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ).

6.4. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Không có (do Nhãn hiệu Việt là công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ).

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có (do Nhãn hiệu Việt là công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ).

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

(a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- ❖ Số lượng lao động tính đến ngày 31/12/2022: 87 người.
- ❖ Mức lương trung bình đối với người lao động: 10.411.577 đồng/người/tháng.

(b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- ❖ Cán bộ nhân viên trong Công ty được trang bị đầy đủ các điều kiện làm việc một cách tốt nhất, hiện đại nhất và thoải mái nhất. Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc;
- ❖ Tổ chức tuyên truyền về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, đồng thời yêu cầu CBNV thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định của Tòa nhà và Công ty để đảm bảo an toàn lao động và phòng chống cháy nổ;
- ❖ Chế độ phúc lợi của người lao động được thực hiện đúng theo quy định của Công ty và theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành.

(c) Hoạt động đào tạo người lao động

- ❖ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: 1 – 2 ngày mỗi quý.
- ❖ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Đào tạo kỹ thuật viên và viễn thông.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không có.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

(a) **Tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022**

Trong năm 2022 – đánh giá dựa trên Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt năm 2022 so với năm 2021:

- Doanh thu bán hàng tăng 14,29% so với năm 2021;
- Lợi nhuận trước thuế tăng 64,26% so với năm 2021;
- Lợi nhuận sau thuế tăng 52,09% so với năm 2021;
- Tổng tài sản Công ty tăng 19,09% so với năm 2021.

Tổng doanh thu năm 2022 đạt 104.178.591.209 VNĐ, tức cao hơn 14,37% so với kế hoạch năm (91.093.000.000 VNĐ). Lợi nhuận sau thuế của năm 2022 đạt 29.390.746.456 VNĐ, tức cao hơn 119% so với kế hoạch năm (13.420.000.000 VNĐ). Vốn chủ sở hữu của năm 2022 là 285.155.911.041 VNĐ, tức cao hơn khoảng 4,85% so với kế hoạch năm (271.960.000.000 VNĐ).

Dự kiến trong năm 2023, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ ổn định và phát triển hơn, kết quả thu được sẽ khả quan hơn.

(b) **Những tiến bộ Công ty đã đạt được**

- Kiểm soát tốt chi phí hoạt động trong năm 2022;
- Nguồn tài chính ổn định đảm bảo cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022;
- Cải tiến quy trình quản lý nhằm nâng cao năng lực điều hành quản lý.

2. **Tình hình tài chính**

(a) **Tình hình tài sản**

Tổng tài sản của Công ty tính đến 31/12/2022 là 372.182.711.927 VNĐ, tăng 19,09% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm 47,35% và tài sản dài hạn chiếm 52,65%.

Tài sản ngắn hạn giảm 40.576.577.547 VNĐ, còn 195.962.561.460 VNĐ cuối năm 2022, tương đương mức giảm 17,15% so với năm 2021.

Tài sản dài hạn tăng 100.244.381.118 VNĐ, đạt 176.220.150.467 VNĐ cuối năm 2022, tương đương mức tăng 131,94% so với năm 2021.

Trong năm 2022, tình hình tài sản của Công ty có sự gia tăng lớn về tài sản dài hạn và giảm nhẹ về tài sản ngắn hạn so với năm 2021.

(b) **Tình hình nợ phải trả**

Nợ phải trả của Công ty tính đến 31/12/2022 là 87.026.800.886 VNĐ, tăng 53,35% so với cùng kỳ năm 2021.

Năm 2022, nợ ngắn hạn ghi nhận mức 82.428.749.105 VNĐ, chiếm 94,72% nợ phải trả, tăng 56,26% so với cùng kỳ năm trước.

Nợ dài hạn ghi nhận mức 4.598.051.781 VNĐ, chiếm 5,28% nợ phải trả, tăng 15,02% so với cùng kỳ năm trước.

Trong năm 2022, các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng. Công ty hiện không có khoản nợ nào quá hạn thanh toán. Cũng trong năm này, Công ty không có bất kỳ khoản vay trong và

ngoài nước vì vậy sẽ không chịu ảnh hưởng đến từ chênh lệch tỷ giá hối đoái và chênh lệch lãi vay.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2022, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức như năm trước. Từng bộ phận hoạt động khá ổn định và hiệu quả. Các chính sách quản lý cũng được duy trì với mục tiêu tiết giảm chi phí tối đa, từ đó góp phần hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban TGD.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

(a) Đầu tư nhãn hiệu và Đại lý thương hiệu

Ngày nay, công nghiệp hóa hiện đại hóa đang dần phát triển, người tiêu dùng có xu hướng tìm kiếm mua sắm tại các kênh thương mại điện tử. Điều này khiến việc định vị thương hiệu trên các kênh thương mại điện tử đang trở thành chiến lược để giúp các thương hiệu này giành được thị phần và đi trước so với đối thủ cạnh tranh. Nhu cầu cho sự mua sắm tiện lợi theo hướng “không có sự tiếp xúc” đang ngày càng gia tăng. Do đó, Công ty cảm thấy khá lạc quan trước quyết tâm chuyên mục tiêu đầu tư vào các nhãn hiệu có lợi thế cạnh tranh tốt hơn trên các kênh thương mại điện tử trong tương lai.

Khó khăn là điều có thể nhìn thấy trước, nhưng cơ hội tiềm năng đang dần hé mở trong nhiều ngành dịch vụ là rất dồi dào. Khi đối mặt với tác động trực tiếp và tức thời từ sự tiên tiến của công nghệ, các doanh nghiệp bán lẻ đang buộc phải đẩy nhanh quá trình tái cấu trúc và học cách đứng vững trên việc xây dựng thương hiệu trong các kênh bán lẻ ảo. Chúng tôi nghĩ rằng đây là một điều cực kỳ tốt để phát triển hoạt động kinh doanh đại lý thương hiệu của chúng tôi. Việc đưa các tên thương hiệu nhỏ lẻ cũng như nổi tiếng đến với người tiêu dùng sẽ là động lực tăng trưởng mới giúp Công ty nâng cao lợi nhuận và quy mô hoạt động ngoài mong đợi.

Với kinh nghiệm dày dặn tại thị trường Việt Nam cùng với sự chuyên nghiệp hóa trong hoạt động M&A, Công ty tự tin trong việc phân tích, mua lại và phát triển các nhãn hiệu doanh nghiệp bán lẻ hàng tiêu dùng thiết yếu, từ đó gắn kết thương hiệu của sản phẩm với thương hiệu của nhà bán lẻ, tạo nên hiệu ứng tốt cho kết quả hoạt động kinh doanh.

Đầu tư nhãn hiệu và Đại lý thương hiệu, trong những năm tới được kỳ vọng sẽ mang lại nguồn lợi đáng kể cho Công ty, giúp Công ty thuận lợi hơn trên đà tăng trưởng dài hạn.

Bên cạnh đó, Công ty vẫn sẽ tiếp tục tìm kiếm và gia nhập các doanh nghiệp có lợi nhuận và có khả năng hồi phục tốt sau hệ quả của đại dịch Covid-19.

(b) Tuân thủ pháp luật

Tuân thủ quy định pháp luật là một trong những tiêu chí hàng đầu, là kim chỉ nam trong việc định hướng hoạt động của Công ty. Với những đặc thù của Công ty cổ phần hoạt động trong ngành đầu tư, những hoạt động của Công ty đều chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, v.v. Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

(c) Quản lý, công tác tổ chức

- Tiếp tục sắp xếp bộ máy tổ chức, tinh gọn nhân sự để tăng năng suất lao động và thu nhập cho người lao động.
- Tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại cán bộ đáp ứng đủ nguồn nhân lực cho Công ty.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện công tác “Văn hóa doanh nghiệp”.
- Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, sửa đổi các quy định, quy chế, quy trình phù hợp.
- Nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành của cán bộ lãnh đạo chủ chốt, tăng cường công tác đoàn kết nội bộ.

(d) **Phát triển nguồn nhân lực**

- Công ty chú trọng việc xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc lành mạnh nhằm tạo điều kiện cho người lao động có thể phát huy tốt nhất khả năng của mình. Công tác tuyển dụng được thực hiện theo quy trình chặt chẽ nhằm tuyển chọn nhân sự đúng yêu cầu đưa ra, đảm bảo lực lượng lao động ổn định, chất lượng cao và đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty ưu tiên tuyển chọn những cá nhân có năng lực, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục tổ chức các khóa đào tạo nội bộ ngắn hạn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật công nghệ, quy trình làm việc mới.
- Đối với đội ngũ cán bộ quản lý, Công ty sẽ tổ chức khóa đào tạo nâng cao kiến thức, trau dồi kỹ năng chuyên môn; tiếp cận và ứng dụng các phương pháp quản lý tiên tiến.

(e) **Tài chính**

- Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, tài sản; đảm bảo tính minh bạch và công khai tài chính.
- Báo cáo tài chính được thực hiện đúng nội dung và thời hạn quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.
- Tìm kiếm đối tác trong và ngoài nước có tiềm lực tài chính mạnh để đồng hành với Công ty phát triển nhanh các dự án có tiềm năng và quy mô lớn.

5. **Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Ý kiến Kiểm toán hoàn toàn được chấp nhận.**

6. **Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**

- (a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải, v.v.): Không có (do Nhãn hiệu Việt là công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ).
- (b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động
- Người lao động làm việc tại Công ty được đảm bảo mức thu nhập phù hợp với mặt bằng chung của xã hội, được trang bị thiết bị làm việc đầy đủ.
 - Công ty thực hiện đóng các loại bảo hiểm đúng theo quy định của pháp luật đối với người lao động như: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp.
 - Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể cán bộ nhân viên.
- (c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương
- Toàn thể nhân viên tham gia chương trình đi bộ từ thiện Lawrence S.Ting do Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng phối hợp với Ủy ban nhân dân

Quận 7, Quận 8, Huyện Bình Chánh và Huyện Nhà Bè tổ chức với mục đích gây quỹ hỗ trợ đồng bào nghèo mỗi dịp xuân về.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- (a) Doanh thu thuần hợp nhất đạt 104.178.591.209 VNĐ trong năm 2022, tăng 14,29% so với năm 2021. Các chỉ số hợp nhất về khả năng sinh lời như Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân, Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần cũng đạt những kết quả thuận lợi lần lượt là 10,31% và 36,74%. Hơn nữa, các chỉ số về cơ cấu vốn ở mức thấp cho phép Công ty khai thác sức mạnh đòn bẩy tài chính để gia tăng lợi nhuận và tận dụng nguồn lực từ các ngân hàng và tổ chức tài chính.
- (b) Trong năm nay, Công ty đã thu về lợi nhuận sau thuế đạt 29.390.746.456VNĐ, tăng 52,09% so với năm 2021. Điều này thể hiện hoạt động kinh doanh của Công ty đã đạt được sự phát triển vượt bậc và Công ty sẽ tiếp tục hướng đến các kết quả tốt hơn trong thời gian tới.
- (c) Về môi trường – xã hội, Công ty đã thực hiện tốt các chính sách về người lao động, đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp đúng theo quy định hiện hành. Chăm lo đến sức khỏe người lao động bằng việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ. Công ty cũng đã tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định trong công tác phòng chống đại dịch Covid-19, trang bị khẩu trang y tế, dung dịch sát khuẩn cho người lao động, thực hiện đo thân nhiệt khi vào Công ty. Trong năm 2022, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Đồng thời, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm đối với người lao động và cộng đồng địa phương.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

- (a) Căn cứ vào Điều lệ, các chính sách và quy trình đã ban hành, HĐQT ủy quyền cho Ban TGD điều hành các công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, tổ chức thực hiện các quyết định chiến lược theo kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của HĐQT và ĐHĐCĐ giao cho.
- (b) Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá rằng Ban TGD đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- (c) Bên cạnh đó, HĐQT đã thực hiện các quyền và trách nhiệm được giao một cách thận trọng, chuyên nghiệp và liêm chính đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và các cổ đông. Ban TGD đã nỗ lực hết mình để thực hiện kế hoạch kinh doanh do các cổ đông đề ra trong ĐHĐCĐ thường niên năm vừa rồi.
- (d) HĐQT tin tưởng và sẽ tiếp tục giao cho Ban TGD những mục tiêu cao hơn để dần đưa Công ty đạt được nhiều thành tựu hơn trong thời gian tới.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, Công ty đặt mục tiêu tập trung hơn vào phát triển mảng kinh doanh hiện tại, đồng thời tìm kiếm thêm cơ hội đầu tư. Đại dịch Covid-19 đã thay đổi hiệu

biết của chúng ta về cuộc sống ở nhiều khía cạnh như làm việc, mua sắm và tương tác xã hội, tạo ra những cơ hội kinh doanh mới lại đồng thời tạo ra những thách thức nhất định. Công ty đã chuẩn bị để tìm kiếm động lực tăng trưởng tiếp theo trong thế giới mới này. Để đạt được mục tiêu này, HĐQT thực hiện:

- Chỉ đạo công tác nghiên cứu nhằm đưa ra các phân tích về các thương hiệu để đưa ra những quyết định đầu tư phù hợp với định hướng phát triển chung của Công ty;
- Chỉ đạo công tác đầu tư, tập trung vào việc mua lại các công ty có lợi nhuận, với kinh nghiệm thực tiễn, khả năng tài chính mạnh, tiềm năng phát triển lớn và kết quả hoạt động tốt trong các ngành công nghiệp cân bằng;
- Chỉ đạo thực hiện tốt nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị qua các kỳ họp. Chỉ đạo các hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật có liên quan;
- Chỉ đạo việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Tăng cường giám sát và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện công tác sản xuất kinh doanh theo đúng định hướng kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- Chỉ đạo thực hiện Công bố thông tin theo đúng quy định của luật chứng khoán áp dụng cho công ty đại chúng;
- Tích cực nghiên cứu, đổi mới phương pháp làm việc, xây dựng những giải pháp kinh doanh mới, tinh gọn bộ máy nhân sự, nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, khẳng định vị thế của Công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

(a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu		Tỷ lệ %/ Vốn Điều lệ
			Cá nhân	Đại diện	
1	Hoàng Thị Ngọc Diệp	Chủ tịch HĐQT		7.940.350	39,70%
2	Vương Lệ Vân	Thành viên HĐQT	0	0	0,00%
3	Hoàng Như Quỳnh	Thành viên HĐQT	100	730.000	3,65%
4	Nguyễn Thị Trang	Thành viên HĐQT	0	0	0,00%
5	Shih Chien Sheng	Thành viên độc lập HĐQT	0	0	0,00%

Các chức danh quản lý do từng thành viên HĐQT của Công ty nắm giữ tại các công ty khác như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Chức vụ tại các công ty khác
1	Hoàng Thị Ngọc Diệp	Chủ tịch HĐQT	(a) Giám đốc - Công ty Luật TNHH Một thành viên Di Linh (b) Giám đốc - Công ty Cổ Phần

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Chức vụ tại các công ty khác
			Dilinh (c) Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Phát triển Quang Thái (d) Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Hân Đô (e) Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Phát triển Phú Hưng Sáng (f) Phó Tổng Giám Đốc - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Jones & Vining (Việt Nam)
2	Vương Lệ Vân	Thành viên HĐQT	Tổng Giám đốc - Công ty TNHH MTV Thương Mại Dịch Vụ Cuộc Sống Mới
3	Hoàng Như Quỳnh	Thành viên HĐQT	Giám đốc - Công ty TNHH Phát triển Vũ Thịnh
4	Nguyễn Thị Trang	Thành viên HĐQT	Không có
5	Shih Chien Sheng	Thành viên độc lập HĐQT	Không có

(b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

(c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2022, HĐQT tổ chức 05 (năm) cuộc họp, nội dung các cuộc họp cụ thể như sau

STT	Phiên họp ngày	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung
1	24/01/2022	2401-001/NQ-HĐQT.2022	Thông qua việc chuyển sàn giao dịch từ sàn Đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) sang sàn Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) từ tháng 03/2022. Số lượng cổ phiếu chuyển sàn: 20.000.000 cổ phiếu.
2	24/02/2022	2402-002/NQ-HĐQT.2022	Thông qua việc góp vốn thành lập công ty con (Công ty TNHH Phát triển và Đầu tư Phú Lệ)
3	24/03/2022	2403-001/NQ-HĐQT.2022	1. Thông qua Chương trình và các tài liệu sử dụng trong Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

STT	Phiên họp ngày	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung
			<p>thường niên năm 2022;</p> <p>2. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán Riêng lẻ và Hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31/12/2021 và trình lên ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;</p> <p>3. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2021 và trình lên ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;</p> <p>4. Thông qua Báo cáo thường niên năm 2021 và trình lên ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;</p> <p>5. Thông qua Kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2022 và trình lên ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;</p> <p>6. Thông qua Dự toán ngân sách tài chính năm 2022 và trình lên ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;</p> <p>7. Thông qua Việc chi trả cổ tức năm 2021 và trình lên ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.</p>
4	07/06/2022	0706-001/NQ- HĐQT.2022	Thông qua việc ký kết Hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty

STT	Phiên họp ngày	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung
			TNHH MTV Thương Mại Dịch Vụ Cuộc Sống Mới và Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng.
5	23/11/2022	2311-001/NQ- HĐQT.2022	Ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ và Quy chế Công bố thông tin.

Trong năm 2022, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban TGD. Bên cạnh việc thảo luận, trao đổi tại các cuộc họp định kỳ, HĐQT còn thường xuyên trao đổi qua điện thoại, thư điện tử cũng như các phương tiện thông tin khác về tình hình chiến lược, kết quả hoạt động kinh doanh, việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ và mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã đề ra trong năm;
 - Về tổng thể, công tác giám sát đối với Ban điều hành nói chung được duy trì có hệ thống và chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, thỏa mãn các vấn đề về hoạt động kinh doanh và tài chính;
 - HĐQT đã nỗ lực, sáng tạo và chủ động trong công tác chỉ đạo nhằm đạt được những kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra.
- (d) **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Theo quy định tại Điều lệ Công ty.**
- (e) **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.**

2. Ban Kiểm soát

(a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu		Tỷ lệ %/ Vốn Điều lệ
			Cá nhân	Đại diện	
1	Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng BKS	0	0	0,00%
2	Tsai, Hsiu-Li	Thành viên BKS	952.300	0	4,76%
3	Nguyễn Thanh Long	Thành viên BKS	0	0	0,00%

(b) Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2022, BKS tổ chức 02 (hai) cuộc họp, nội dung các cuộc họp cụ thể như sau:

- Thông qua Báo cáo của BKS về tình hình hoạt động năm 2021 và trình lên ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;
- Thông qua Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán trong năm 2022 và trình lên ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;
- Thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2021;
- Soát xét Báo cáo tài chính kiểm toán cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022;
- Soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc ngày 30/09/2022;
- Báo cáo về Tình hình thực hiện so với kế hoạch.

Trong năm 2022, BKS đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty, qua đó nắm bắt kịp thời thông tin về tình hình quản trị điều hành, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. BKS kịp thời có ý kiến đóng góp về phương hướng hoạt động, về việc chấp hành Nghị quyết ĐHĐCĐ;
- Giám sát việc chấp hành các nghĩa vụ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt theo quy định của pháp luật (như nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, BHXH, BHYT cho người lao động và các nghĩa vụ khác, v.v.);
- Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông và người lao động;
- BKS họp thường kỳ mỗi năm 2 lần, phối hợp với các phòng ban liên quan để kiểm tra hoạt động đầu tư, tài chính của Công ty. Thường xuyên nhắc nhở Công ty về chế độ báo cáo định kỳ, công khai thông tin theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

(a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Thành viên HĐQT được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
- Tổng mức thù lao cho các thành viên BKS theo quyết định của ĐHĐCĐ. Thành viên của BKS cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của BKS hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Trong năm 2022, Công ty không chi trả thù lao cho HĐQT và BKS.

STT	Chi tiết	Vị trí	Lương (triệu đồng)	Cơ cấu thưởng (%)	Thù lao 2022 (triệu đồng)	Thời gian nắm giữ chức vụ trong năm 2022

STT	Chi tiết	Vị trí	Lương (triệu đồng)	Cơ cấu thưởng (%)	Thù lao 2022 (triệu đồng)	Thời gian năm giữ chức vụ trong năm 2022
1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
1	Bà Hoàng Thị Ngọc Diệp	Chủ tịch HĐQT	-	-	-	01/01/2022 – 31/12/2022
2	Bà Vương Lệ Vân	Thành viên HĐQT	-	-	-	01/01/2022 – 31/12/2022
3	Bà Hoàng Như Quỳnh	Thành viên HĐQT	-	-	-	01/01/2022 – 31/12/2022
4	Bà Nguyễn Thị Trang	Thành viên HĐQT	-	-	-	01/01/2022 – 31/12/2022
5	Ông Shih Chien Sheng	Thành viên HĐQT độc lập	-	-	-	01/01/2022 – 31/12/2022
2. BAN KIỂM SOÁT						
1	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng BKS	-	-	-	01/01/2022 – 31/12/2022
2	Bà Tsai, Hsiu-Li	Thành viên BKS	-	-	-	01/01/2022 – 31/12/2022
3	Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên BKS	-	-	-	01/01/2022 – 31/12/2022
3. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC						
1	Bà Lan, Wan-Chen	Tổng Giám đốc	180	-	-	01/01/2022 – 31/12/2022

(b) **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.**

(c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.**

(d) **Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty**

Trong năm 2022, Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt việc quản trị theo các quy định của pháp luật, nhờ vậy đã từng bước tạo niềm tin cho các cổ đông, cho người lao động và làm tiền đề cho việc phát triển trong những năm tới.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn

được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		195.962.561.460	236.539.139.007
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	21.399.865.883	49.272.857.602
111	1. Tiền		20.899.865.883	27.772.857.602
112	2. Các khoản tương đương tiền		500.000.000	21.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		117.321.275.738	144.676.883.220
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	117.321.275.738	144.676.883.220
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		55.873.763.866	41.804.446.989
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	56.552.767.805	45.427.590.273
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	68.178.062	138.178.062
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	5.584.243.508	1.694.042.655
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.3	(6.331.425.509)	(5.455.364.001)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	419.821.256	407.812.936
141	1. Hàng tồn kho		419.821.256	407.812.936
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		947.834.717	377.138.260
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	182.222.707	163.943.781
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		702.299.680	212.592.593
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.13	63.312.330	601.886
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		176.220.150.467	75.975.769.349
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		116.455.000	175.282.530
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	116.455.000	175.282.530
220	II. Tài sản cố định		10.915.700.418	14.710.044.990
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	10.915.700.418	14.710.044.990
222	- Nguyên giá		19.048.594.393	19.048.594.393
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.132.893.975)	(4.338.549.403)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		3.954.077.162	3.727.210.681
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.9	3.954.077.162	3.727.210.681
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		109.911.887.619	-
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.2b	109.911.887.619	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		51.322.030.268	57.363.231.148
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	1.987.560.801	2.191.540.349
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		2.120.749.314	1.090.520.442
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
269	4. Lợi thế thương mại	V.10	47.213.720.153	54.081.170.357
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		372.182.711.927	312.514.908.356

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		87.026.800.886	56.749.743.771
310	I. Nợ ngắn hạn		82.428.749.105	52.752.149.490
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	54.148.494.888	38.251.096.585
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	1.139.273.786	1.528.954.750
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	3.380.367.338	451.764.492
314	4. Phải trả người lao động		2.355.069.783	2.441.897.858
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.14	12.357.140.245	7.601.827.319
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		6.400.505.252	50.587.877
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.15a	2.647.879.813	2.426.020.609
330	II. Nợ dài hạn		4.598.051.781	3.997.594.281
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
337	3. Phải trả dài hạn khác	V.15b	4.598.051.781	3.997.594.281
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		285.155.911.041	255.765.164.585
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.16	285.155.911.041	255.765.164.585
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		85.155.911.041	55.765.164.585
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		55.765.164.585	36.440.422.020
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		29.390.746.456	19.324.742.565
429	7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		372.182.711.927	312.514.908.356

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	104.178.591.209	91.154.043.167
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		104.178.591.209	91.154.043.167
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	51.082.548.292	46.670.212.316
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		53.096.042.917	44.483.830.851
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	10.140.720.661	6.339.716.436
22	7. Chi phí tài chính		117.581.159	2.365.839
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.4	5.161.635.756	5.551.761.617
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	19.684.954.719	22.096.806.925
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		38.272.591.944	23.172.612.906
31	12. Thu nhập khác	VI.6	406.406.260	443.336.129
32	13. Chi phí khác	VI.7	125.400.153	145.181.344
40	14. Lợi nhuận khác		281.006.107	298.154.785
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		38.553.598.051	23.470.767.691
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.13	10.193.080.467	4.980.344.012
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(1.030.228.872)	(834.318.886)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		29.390.746.456	19.324.742.565
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		29.390.746.456	19.324.742.565
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	1.470	966
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	1.470	966

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	V.13	38.553.598.051	23.470.767.691
	2. Điều chỉnh cho các khoản		1.417.633.763	7.152.030.739
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.8,V.10	10.661.794.776	9.863.027.470
03	- Các khoản dự phòng		876.061.508	3.625.352.887
04	- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3	(10.120.222.521)	(6.336.349.618)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		39.971.231.814	30.622.798.430
09	- Tăng giảm các khoản phải thu		(11.803.854.335)	(24.127.133.025)
10	- Tăng giảm hàng tồn kho		(69.883.733)	25.060.082
11	- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		27.297.954.437	11.427.161.443
12	- Tăng giảm chi phí trả trước		185.700.622	(444.956.796)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.13	(7.223.783.732)	(4.244.727.563)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		48.357.365.073	13.258.202.571
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(159.185.125)	(869.318.964)
22	2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(160.164.298.907)	(102.073.917.188)
24	4. Tiền thu hồi cho vay bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		188.856.273.761	38.263.262.166
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(109.911.887.619)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia		5.148.741.098	4.005.849.707
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		(76.230.356.792)	(60.674.124.279)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(27.872.991.719)	(47.415.921.708)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	49.272.857.602	96.688.779.310
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	21.399.865.883	49.272.857.602

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt và 02 công ty con (sau đây gọi là "Tập đoàn").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Một số ngành nghề kinh doanh chính trong năm:

- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Cung cấp dịch vụ Internet, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng;
- Kinh doanh dịch vụ viễn thông.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Công ty con

Số lượng công ty con: 02.

Số lượng công ty con được hợp nhất: 02.

Thông tin về Công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV TM DV Cuộc Sống Mới	Tầng 4, tòa nhà Broadway E, số 2 đường Bertrand Russell, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ Internet, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng. Kinh doanh dịch vụ viễn thông.	100%	100%	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Phát triển và Đầu tư Phú Lệ	Tầng 4, tòa nhà Broadway E, số 2 đường Bertrand Russell, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê đất	100%	100%	100%	0%	0%	0%

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 87 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 89 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con. Các báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Tập đoàn và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đồ tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với cả phê nhân và cả phê thành phẩm robusta và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất làm nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 20 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 – 05
Thiết bị văn phòng	03

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tài phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tài phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lâu do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ (điện thoại và internet) được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	80.523.419	122.536.333
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.819.342.464	27.650.321.269
- Các khoản tương đương tiền	500.000.000	21.500.000.000
Cộng	<u>21.399.865.883</u>	<u>49.272.857.602</u>

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

2a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Là khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng và dưới 12 tháng.

2b. Đầu tư tài chính dài hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ủy thác (*)	109.911.887.619	-	109.911.887.619	-	-	-
Cộng	109.911.887.619	-	109.911.887.619	-	-	-

(*) Là khoản ủy thác vào Công ty quản lý quỹ Phú Hưng theo Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 1908/2022/HĐUT-PHFM-NL, ký ngày 19/08/2022. Thời gian ủy thác là 05 năm, kể từ ngày 22/08/2022 (ngày PHFM nhận khoản thanh toán đầu tiên của Vốn ủy thác) đến ngày 22/08/2027.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ủy thác để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý bằng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng là bên liên quan	-	-
Phải thu của khách hàng không là bên liên quan	56.552.767.805	45.427.590.273
- Chi nhánh Công ty CP DV Bưu chính Viễn thông Sài Gòn – Trung tâm Điện thoại SPT	40.256.451.845	26.832.106.315
- Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam – Viễn thông Tp. Hồ Chí Minh	3.036.240.832	-
- Chi nhánh Công ty CP Dịch vụ Viễn thông – Trung tâm Hỗ trợ bán hàng Miền Nam	-	2.719.188.721
- Phải thu các khách hàng khác	13.260.075.128	15.876.295.237
Cộng	56.552.767.805	45.427.590.273

Biến động dự phòng phải thu quá hạn khó đòi trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.455.364.001	1.830.011.114
Dự phòng trong năm	876.061.508	3.625.352.887
Số cuối năm	6.331.425.509	5.455.364.001

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán là bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán không là bên liên quan	68.178.062	138.178.062
- Trả trước cho các người bán khác	68.178.062	138.178.062
Cộng	68.178.062	138.178.062

5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu khác	5.584.243.508	1.694.042.655
- Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	3.049.284.650	1.129.100.341
- Đối tượng khác	2.534.958.858	564.942.314
Cộng	5.584.243.508	1.694.042.655

5b. Phải thu dài hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu khác	116.455.000	175.282.530
- Kỳ quỹ	116.455.000	175.282.530
Cộng	116.455.000	175.282.530

6. Hàng tồn kho

Chi tiết gồm:	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	419.821.256	-	407.812.936	-
- Hàng hóa	-	-	-	-
Cộng	419.821.256	-	407.812.936	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ	182.222.707	163.943.781
Cộng	182.222.707	163.943.781

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước ngắn hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	163.943.781	99.363.902
Tăng trong năm	1.516.855.893	1.035.323.372
Phân bổ trong năm	(1.498.576.967)	(970.743.493)
Số cuối năm	182.222.707	163.943.781

7b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền thuê đất (*)	1.593.600.000	1.693.200.000
- Công cụ, dụng cụ	393.960.801	498.340.349
Cộng	1.987.560.801	2.191.540.349

(*) Là khoản tiền thuê đất theo Hợp đồng thuê nhà đất số 02/HĐTNĐ.2018 ngày 25/12/2018 với bà Trương Thị Vân và chồng bà Vân (ông Phạm Hoài Vũ) đồng sở hữu tại khu đất: Thửa đất số 819, tờ bản đồ số 54, P.An Phú Đông, Quận 12, Tp. HCM. Mục đích thuê: làm văn phòng. Thời hạn thuê là 20 năm từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2038.

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.191.540.349	1.811.163.432
Tăng trong năm	119.384.545	553.711.028
Phân bổ trong năm	(323.364.093)	(173.334.111)
Số cuối năm	1.987.560.801	2.191.540.349

8. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Máy móc thiết bị	Dụng cụ văn phòng	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	19.012.294.398	36.300.000	19.048.594.398
2. Tăng trong năm	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	19.012.294.398	36.300.000	19.048.594.398
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	36.300.000	36.300.000
II. Giá trị hao mòn			
1. Số dư đầu năm	4.302.249.408	36.300.000	4.338.549.408
2. Tăng trong năm	3.794.344.572	-	3.794.344.572
- Khấu hao	3.794.344.572	-	3.794.344.572
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	8.096.593.980	36.300.000	8.132.893.980
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	14.710.044.990	-	14.710.044.990
2. Tại ngày cuối năm	10.915.700.418	-	10.915.700.418

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết gồm:	Số đầu năm	Tăng trong năm	Chuyển từ	Giảm khác	Số cuối năm
			thiết bị, vật tư dài hạn		
- Xây dựng cơ bản (*)	3.727.210.681	168.991.068	57.875.413	-	3.954.077.162
Cộng	3.727.210.681	168.991.068	57.875.413	-	3.954.077.162

(*) Giá trị xây dựng cơ bản dở dang cuối năm là chi phí xây dựng hạng mục Cơ sở hạ tầng phục vụ phi sống mạng di động trong các tòa nhà.

10. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH MTV TM DV Cuộc Sống Mới (*)	54.081.170.357	-	(6.867.450.204)	47.213.720.153
Cộng	54.081.170.357	-	(6.867.450.204)	47.213.720.153

(*) Giá trị lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí với thời gian phân bổ là 10 năm, thời gian phân bổ còn lại là 6 năm 10,5 tháng.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán là bên liên quan	-	-
Phải trả người bán không là bên liên quan	54.148.494.888	38.251.096.585
- Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng	17.150.212.011	10.946.138.435
- Công ty CP DV Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	30.623.596.360	21.264.865.035
- Phải trả người bán khác	6.374.686.517	6.040.093.115
Cộng	54.148.494.888	38.251.096.585

Tập đoàn không có khoản nợ nào quá hạn thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước là bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước không là bên liên quan	1.139.273.786	1.528.954.750
- Các người mua trả tiền trước khác	1.139.273.786	1.528.954.750
Cộng	1.139.273.786	1.528.954.750

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết gồm:	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số thực nộp/ căn trừ/ hoàn lại	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	14.335.899.974	(14.398.610.418)	-	62.710.444
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	166.908.812	-	10.193.080.467	(7.223.783.732)	3.136.205.547	-
- Thuế thu nhập cá nhân	284.855.680	-	1.022.380.035	(1.063.073.924)	244.161.791	-
- Các loại thuế khác	-	601.886	7.000.000	(7.000.000)	-	601.886
Cộng	451.764.492	601.886	25.558.360.476	(22.692.468.074)	3.380.367.338	63.312.330

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.553.598.051	23.470.767.691
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	12.411.804.285	12.103.118.108
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	193.209.723	5.235.667.904
+ Các khoản phát sinh từ hợp nhất	6.864.636.420	6.867.450.204
+ Khoản lỗ chịu thuế của công ty con	2.813.784	-
+ Các khoản khác	5.351.144.358	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Thu nhập chịu thuế	50.965.402.336	35.573.885.799
Thu nhập tính thuế	50.965.402.336	35.573.885.799
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp từ thu nhập tính thuế trong năm	10.193.080.467	7.114.777.160
Thuế TNDN phải nộp từ thu nhập tính thuế trong năm được giảm 30%	-	(2.134.433.148)
Thuế TNDN nộp bổ sung của các năm trước	-	-
Tổng Thuế TNDN phải nộp trong năm	10.193.080.467	4.980.344.012

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chủ yếu là khoản phải trả phí thuê cơ sở hạ tầng.

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí trích trước phí thuê hạ tầng Phú Mỹ Hưng	10.585.903.134	5.448.463.352
- Phí dịch vụ chuyên môn	228.400.000	203.400.000
- Chi phí phải trả khác	1.542.837.111	1.949.963.967
Cộng	12.357.140.245	7.601.827.319

15. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

15a. Phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả khác cho bên liên quan	-	-
Phải trả khác không phải là bên liên quan	2.647.879.813	2.426.020.609
- Quỹ viễn thông (*)	1.339.172.692	1.199.274.667
- Phải trả ngắn hạn khác	1.308.707.121	1.226.745.942
Cộng	2.647.879.813	2.426.020.609

(*) Là khoản phải nộp cho Ngân sách nhà nước về khoản đóng góp Quỹ dịch vụ viễn thông công ích.

15b. Phải trả dài hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả khác cho bên liên quan	-	-
Phải trả khác không phải là bên liên quan	4.598.051.781	3.997.594.281
- Nhận ký quỹ của các hộ dân	4.598.051.781	3.997.594.281
Cộng	4.598.051.781	3.997.594.281

30706
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 ĐẦU TƯ
 HIỆP
 VIỆT
 T
 HỒ CHÍ MINH

16. **Vốn chủ sở hữu**

16a. *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>				
Tại ngày 01/01/2021	200.000.000.000	36.440.422.020	-	236.440.422.020
Tăng trong năm	-	19.324.742.565	-	19.324.742.565
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	19.324.742.565	-	19.324.742.565
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	200.000.000.000	55.765.164.585	-	255.765.164.585
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>				
Tại ngày 01/01/2022	200.000.000.000	55.765.164.585	-	255.765.164.585
Tăng trong năm	-	29.390.746.456	-	29.390.746.456
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	29.390.746.456	-	29.390.746.456
Tại ngày 31/12/2022	200.000.000.000	85.155.911.041	-	285.155.911.041

16b. *Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

Chi tiết gồm:	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Công ty CP Phát triển Quang Thái	79.403.500.000	39,70	79.403.500.000	39,70
- Công ty TNHH Phát triển Đồng Đức	49.500.000.000	24,75	49.500.000.000	24,75
- Công ty TNHH Phát triển Đồng Thịnh	28.700.000.000	14,35	28.700.000.000	14,35
- Các cổ đông khác	42.396.500.000	21,20	42.396.500.000	21,20
Cộng	200.000.000.000	100,00	200.000.000.000	100,00

Chi tiết Vốn chủ sở hữu của các cổ đông cập nhật tại ngày 31/12/2022.

16c. *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

16d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là <i>Vốn chủ sở hữu</i>)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

17. Tài khoản ngoài bảng**17a. Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trong vòng 01 năm	361.177.344	349.747.200
- Từ trên 2 năm đến 5 năm	127.590.144	488.767.488
Cộng	488.767.488	838.514.688

17b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
USD	109,03	109,03

17c. Kế hoạch đầu tư

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có kế hoạch đầu tư, đang trong quá trình xây dựng cơ bản:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	806.740.748	1.033.607.229

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	104.178.591.209	91.154.043.167
Cộng	104.178.591.209	91.154.043.167

2. Giá vốn hàng bán

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	51.082.548.292	46.670.212.316
Cộng	51.082.548.292	46.670.212.316

3. Doanh thu tài chính		
<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	8.187.750.454	6.336.349.618
- Lợi nhuận phân phối từ đầu tư ủy thác	1.947.342.160	-
- Doanh thu tài chính khác	5.628.047	3.366.818
Cộng	10.140.720.661	6.339.716.436
4. Chi phí bán hàng		
<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	4.262.826.828	2.629.303.861
- Các chi phí khác	898.808.928	2.922.457.756
Cộng	5.161.635.756	5.551.761.617
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	6.606.859.514	6.945.316.982
- Phân bổ lợi thế thương mại	6.867.450.204	6.867.450.204
- Dự phòng nợ phải thu quá hạn	876.061.508	3.625.352.887
- Các chi phí khác	5.334.583.493	4.658.686.852
Cộng	19.684.954.719	22.096.806.925
6. Thu nhập khác		
<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu nhập từ cho thuê thiết bị	406.406.260	443.336.129
Cộng	406.406.260	443.336.129
7. Chi phí khác		
<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí khấu hao thiết bị	20.857.152	20.857.152
- Các khoản khác	104.543.001	124.324.192
Cộng	125.400.153	145.181.344
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	29.390.746.456	19.324.742.565
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	29.390.746.456	19.324.742.565
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	1.470	966

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	29.390.746.456	19.324.742.565
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	29.390.746.456	19.324.742.565
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	20.000.000	20.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	1.470	966

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên vật liệu	47.320.060.876	43.735.300.654
- Chi phí nhân công	10.869.686.342	11.633.503.837
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.794.344.572	2.995.577.266
- Phân bổ lợi thế thương mại	6.867.450.204	6.867.450.204
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	7.077.596.773	9.086.948.897
Cộng	75.929.138.767	74.318.780.858

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Đơn vị tính: VNĐ)

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc).

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (*)

	Năm nay	Năm trước
<i>Lương</i>	240.525.000	245.000.000
- Bà Lan, Wan-Chen (Tổng Giám đốc)	180.000.000	180.000.000
- Bà Hoàng Thị Ngọc Diệp (Chủ tịch HĐQT)	-	-
- Bà Vương Lệ Vân (Thành viên HĐQT)	-	-
- Hoàng Như Quỳnh (Thành viên HĐQT)	-	-
- Bà Nguyễn Thị Trang (Thành viên HĐQT)	-	-
- Ông Shih Chien Sheng (Thành viên HĐQT)	-	-
- Bà Nguyễn Thị Thu Trang (Trưởng BKS)	-	-
- Ông Nguyễn Duy Long (Thành viên BKS)	-	-
- Bà Tsai, Hsin-Li (Thành viên BKS)	-	-
- Bà Nguyễn Hải Linh (Kế toán trưởng)	60.525.000	65.000.000
<i>Cổ tức</i>	-	-
Cộng	240.525.000	245.000.000

(*) Đây là thu nhập tại Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty mẹ.



2. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29.390.746.456	19.324.742.565
Vốn chủ sở hữu đầu năm	255.765.164.585	236.440.422.020
Vốn chủ sở hữu cuối năm	285.155.911.041	255.765.164.585
Vốn chủ sở hữu bình quân trong năm	270.460.537.813	246.102.793.303
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	10,87%	7,85%

3. Báo cáo bộ phận

3.1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, Hoạt động tạo doanh thu chủ yếu là cung cấp dịch vụ viễn thông.

Năm nay

Lĩnh vực kinh doanh	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ
Cung cấp dịch vụ	104.178.591.209	51.082.548.292	53.096.042.917
Cộng	104.178.591.209	51.082.548.292	53.096.042.917

Năm trước

Lĩnh vực kinh doanh	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ
Cung cấp dịch vụ	91.154.043.167	46.670.212.316	44.483.830.851
Cộng	91.154.043.167	46.670.212.316	44.483.830.851

3.2. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động tạo ra doanh thu của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo này có ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.